

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2025/DS-ST

Ngày 19-9-2025

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;

2. Ông Đoàn Tân Tiên.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Liêm - Thư ký Tòa án.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Phan Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 230/2025/TLST-DS ngày 24 tháng 4 năm 2025, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 107/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 88/2025/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975. CCCD số 072175010461. Địa chỉ: ấp L, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1994. CCCD số 072194002364. Địa chỉ: ấp T, xã T, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (nay là phường L, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Phạm Lê D – Luật sư của Công ty L – thuộc đoàn Luật sư Thành phố H, có mặt.

* **Bị đơn:**

- Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1975. Căn cước số 072175006996. Địa chỉ: Tổ D, ấp L, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh); có mặt.

- Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1997. CCCD số 072197008993. Địa chỉ: Tổ D, ấp L, xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh (nay là xã L, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:*

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn bà Nguyễn Thị P là hàng xóm, có quen biết nhau. Trong quá trình làm ăn, bà P nhiều lần vay tiền của bà H, đến nay còn nợ các khoản sau:

- Khoản vay ngày 21/01/2025: Bà P vay bà H số tiền 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng), với lãi suất 1,5%/tháng. Hai bên có lập Giấy vay tiền, thời hạn vay 02 tháng, đến hạn trả vào ngày 21/03/2025. Ngày 24/01/2025, bà P đã trả được 200.000.000 đồng, còn nợ lại 200.000.000 đồng. Bà P xin chỉ tính lãi trên số tiền còn nợ 200.000.000 đồng, bà H đồng ý. Tuy nhiên, đến nay bà P chưa thanh toán gốc và lãi.

Đối với lời khai của bị đơn cho rằng đã chuyển trả cho bà H 210.000.000 đồng vào ngày 10/02/2025 là không đúng. Khoản tiền này thực tế là để trả cho khoản vay 350.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 10/01/2025, như chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp.

- Khoản vay ngày 13/03/2025: Bà P tiếp tục vay của bà H 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng) để giải quyết công việc làm ăn, thỏa thuận thời hạn vay 10 ngày (đến ngày 23/03/2025), với lãi suất 1,5%/tháng. Bà P có viết Giấy vay tiền và hứa sẽ thanh toán cả nợ cũ, nợ mới cùng tiền lãi. Tuy nhiên, đến nay bà P vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Sau nhiều lần bà H đến nhà đòi nợ, bà P chỉ hẹn nhưng không trả.

Vì vậy, bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị P trả cho bà số tiền gốc 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) cùng tiền lãi theo thỏa thuận 1,5%/tháng, tính từ ngày vay cho đến khi Tòa án giải quyết vụ án.

** Bị đơn, bà Nguyễn Thị P trình bày:*

Bà thừa nhận ngày 21/01/2025, bà có vay của bà Nguyễn Thị H số tiền 400.000.000 đồng, mục đích để làm ăn. Hợp đồng vay thực tế không xác định thời hạn và lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng. (Việc trong Giấy vay tiền thể hiện thời hạn vay 02 tháng và lãi suất 1,5%/tháng là do bà H tự ý ghi thêm khi khởi kiện). Với khoản vay này, bà phải trả cho bà H 1.200.000 đồng/ngày.

Ngày 24/01/2025, bà đã trả cho bà H 200.000.000 đồng tiền mặt, có xác nhận trong Giấy vay tiền. Ngày 10/02/2025, bà tiếp tục chuyển cho bà H 210.000.000 đồng (trong đó 200.000.000 đồng tiền gốc còn lại và 10.000.000 đồng tiền lãi; bà H tính lãi 10.200.000 đồng nhưng giảm cho bà 200.000 đồng). Việc chuyển khoản được thực hiện từ số tài khoản 050084410664 của bà tại Ngân hàng TMCP S sang số tài khoản 9913664417 của bà H tại Ngân hàng V, thể hiện trong sao kê bà đã nộp cho Tòa. Như vậy, đối với khoản vay ngày 21/01/2025, bà đã thanh toán đầy đủ gốc và lãi, nên bà không đồng ý với yêu cầu của bà H buộc bà trả thêm 200.000.000 đồng gốc và lãi.

Sở dĩ khoản vay này chưa được gạch bỏ trên Giấy vay tiền là vì bà chuyển khoản mà không gặp trực tiếp bà H. Khi chuyển tiền, bà có chụp lại thông tin giao dịch và nhắn cho bà H yêu cầu gạch bỏ Giấy vay tiền, bà H có nhắn “OK”. Tuy nhiên, sau đó bà H không gạch bỏ mà sử dụng giấy này để khởi kiện bà. Các tin nhắn trên Zalo hoặc Messenger do bà H gửi sau đó đã bị bà thu hồi hoặc xóa hết.

Đối với lời khai của nguyên đơn cho rằng số tiền 210.000.000 đồng bà chuyển ngày 10/02/2025 là để thanh toán khoản vay 350.000.000 đồng theo Giấy vay ngày 10/01/2025, bà khẳng định là không đúng sự thật. Bởi lẽ, khoản vay 350.000.000 đồng này bà đã trả bằng tiền mặt tại nhà bà H chỉ vài ngày sau khi vay, nên bà H đã gạch bỏ Giấy vay tiền. Thực tế, từ trước đến nay, bà luôn trả xong khoản vay cũ thì bà H mới cho vay khoản mới. Việc bà chỉ còn nợ bà H 300.000.000 đồng tiền gốc cũng được chính bà H thừa nhận trong đoạn ghi hình cuộc trò chuyện ngày 11/6/2025 (sau khi bà H khởi kiện), được lập thành Vi bằng số 49/2025/VP-TPL.

Đối với Giấy vay tiền ngày 13/03/2025, bà thừa nhận có ký tên, lăn tay và có vay của bà H số tiền 300.000.000 đồng. Trong giấy vay, bà H ghi thời hạn vay 10 ngày và lãi suất 1,5%, nhưng thực tế bà vay theo mức lãi suất 3.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng, và hai bên không thỏa thuận cụ thể về thời hạn vay. Đến nay, bà chưa thanh toán nợ gốc và lãi cho khoản vay này.

Hiện nay, bà đồng ý trả cho bà H số tiền nợ gốc 300.000.000 đồng. Về lãi, do việc làm ăn khó khăn, bà chỉ đồng ý thanh toán theo mức 10%/năm, tính từ ngày vay đến ngày Tòa án giải quyết vụ án. Đối với số tiền lãi bà đã trả trước đây cho bà H, bà không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Chị Nguyễn Thị Kim A khai:*

Ngày 24/3/2025, chị ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 581, tờ bản đồ số 16, diện tích 281,4 m² tại xã L, huyện D, tỉnh Tây Ninh, từ mẹ ruột là bà Nguyễn Thị P, với giá chuyển nhượng 2.800.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2025, chị đã giao cho bà P số tiền 700.000.000 đồng bằng tiền mặt tại nhà ở xã L. Phần còn lại là 2.100.000.000 đồng, chị thực hiện chuyển khoản nhiều lần vào tài khoản số 050084410664 của bà P tại Ngân hàng S1, theo các chứng từ sao kê đã nộp cho Tòa.

Nguồn tiền dùng để mua đất là từ hoạt động kinh doanh, buôn bán phần mềm công nghệ thông tin mà chị có được, tuy nhiên chị không cung cấp được tên Công ty nơi chị làm việc cho Tòa án. Việc bà P có nợ tiền bên ngoài, chị hoàn toàn không biết.

Chị khẳng định việc nhận chuyển nhượng thửa đất trên là hoàn toàn hợp pháp, do đó không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng. Ngoài ra, chị không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc đề nghị bà P phải trả 200.000.000 đồng nợ gốc và 23.800.000 đồng tiền lãi đối với khoản vay ngày 21/01/2025, đồng thời trả 300.000.000 đồng nợ gốc và 28.050.000 đồng nợ lãi đối với khoản vay ngày 13/3/2025.

Bị đơn bà P đồng ý trả cho bà H số tiền 300.000.000 đồng nợ gốc và 28.050.000 đồng nợ lãi của khoản vay ngày 13/3/2025. Đối với số tiền 223.800.000 đồng nợ gốc và lãi của khoản vay ngày 21/01/2025, bà P cho rằng đã thanh toán xong nên không đồng ý trả.

Đại diện VKSND khu vực 11 – Tây Ninh phát biểu: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm giải quyết vụ án thấy rằng:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468, Điều 470 BLDS; Điều 147 BLTTDS; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà P phải trả cho bà H số tiền 300.000.000 đồng và lãi suất 1,5%/tháng kể từ ngày 13/3/2025.

Không chấp nhận đối với yêu cầu buộc bà P trả số tiền 200.000.000 đồng ngày 21/01/2025 và lãi suất.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu tuyên bố vô hiệu Hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ giữa bà P và bà A đối với phần đất diện tích 281,4m² thửa số 581, tờ bản đồ số 16, địa chỉ xã L, tỉnh Tây Ninh.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện:* Tại đơn khởi kiện này 22/4/2025, bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả số tiền vay và lãi là 513.500.000 đồng, đồng thời yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị P và bà Nguyễn Thị Kim A ngày 24/3/2025, đối với thửa đất số 581, tờ bản đồ số 16, tại xã L, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Đến ngày 17/7/2025, bà H có đơn xin rút lại phần yêu cầu khởi kiện về tuyên hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất vô hiệu. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà P là tự nguyện nên căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[2] *Về thẩm quyền:* Giữa bà H và bà P phát sinh nhiều giao dịch vay tiền, có lập Giấy vay tiền thể hiện số tiền vay, lãi suất và thời hạn trả. Đến nay các bên xảy ra tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi. Căn cứ Điều 463 Bộ

luật Dân sự năm 2015, đây là quan hệ hợp đồng vay tài sản và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[3] Đối với khoản vay ngày 21/01/2025:

Nguyên đơn cho rằng: bà P vay 400.000.000 đồng, đã trả 200.000.000 đồng, còn nợ 200.000.000 đồng và chưa thanh toán lãi. Bị đơn thừa nhận có vay số tiền này nhưng khai đã trả đủ: 200.000.000 đồng bằng tiền mặt ngày 24/01/2025 và 210.000.000 đồng chuyển khoản ngày 10/02/2025 (gồm 200.000.000 đồng gốc và 10.000.000 đồng lãi).

Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn cho rằng khoản tiền 210.000.000 đồng bà P chuyển khoản cho bà H vào ngày 10/02/2025 là để trả cho khoản vay ngày 10/01/2025. Nguyên đơn có cung cấp “*Giấy vay tiền*” ngày 10/01/2025, thể hiện bà P có vay bà H số tiền 350.000.000 đồng vào ngày 10/01/2025, nhưng giấy nợ đã bị gạch bỏ thể hiện khoản vay đã được thanh toán, phù hợp lời khai của các bên. Các nội dung trong giấy vay tiền gồm thời hạn vay, ngày trả, số tiền trả là do bà H tự ghi, về phía bà P không thừa nhận nên với tài liệu này không đủ để chứng minh số tiền 210.000.000 đồng bà P chuyển khoản ngày 10/02/2025 là để thanh toán cho khoản tiền vay ngày 10/01/2025 như nguyên đơn trình bày.

Ngược lại lời khai của bị đơn phù hợp thông tin chuyển khoản, vì bằng số 49/2025/VP-TPL ngày 11/6/2025 thể hiện trong đoạn ghi hình nguyên đơn gián tiếp thừa nhận bị đơn chỉ còn nợ 300.000.000 đồng, phù hợp với việc khoản vay ngày 21/01/2025 đã được thanh toán đầy đủ, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: khoản vay ngày 21/01/2025 đã tất toán. Yêu cầu khởi kiện đòi thêm 200.000.000 đồng gốc và 23.800.000 đồng tiền lãi của nguyên đơn là không có cơ sở.

[4] Đối với khoản vay ngày 13/03/2025:

Các bên đều thừa nhận bà P có vay 300.000.000 đồng, có lập Giấy vay tiền, đến nay chưa thanh toán gốc và lãi. Tại phiên tòa hôm nay, bà P đồng ý trả cho bà H 300.000.000 đồng nợ gốc và 28.050.000 đồng nợ lãi theo yêu cầu của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016,

Bà H phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng với phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận;

Bà P phải chịu án phí đối với phần yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận.

[6] *Về ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H về việc buộc bà P trả cho bà H số tiền 328.050.000 đồng là có căn cứ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ nên được chấp nhận. Đối với phần đề nghị yêu cầu bị đơn trả số tiền vay 200.000.000 đồng theo giấy vay ngày 21/01/2025 cùng tiền lãi, xét thấy không phù hợp với các nhận định nêu trên nên không được chấp nhận.

[7] *Về ý kiến của Viện kiểm sát:*

Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh là phù hợp với các nhận định trên, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 91, 93, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án; các Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối bị đơn bà Nguyễn Thị P về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc bà Nguyễn Thị P có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị H 328.050.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm hai mươi tám triệu không trăm năm mươi nghìn đồng), trong đó nợ gốc là 300.000.000 đồng, tiền lãi là 28.050.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (19/9/2025) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc buộc bà Nguyễn Thị P trả số tiền 223.800.000 đồng (bằng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu tám trăm nghìn đồng).

3. Tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 10 tháng 6 năm 2025 của Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị H phải nộp 11.190.000 đồng (bằng chữ: Mười một triệu một trăm chín mươi nghìn đồng), khấu trừ 12.570.000 đồng (bằng chữ: Mười hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005349 ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự

Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh. Bà H được nhận lại số tiền chênh lệch là 1.380.000 đồng (bằng chữ: Một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng).

Bà Nguyễn Thị P phải nộp số tiền 16.402.500 đồng (bằng chữ: Mười sáu triệu bốn trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).

Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV 11- TN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Thị Phương